**GIẢI THÍCH BIỂU MẪU 01a/BTP/VĐC/XDPL**

**Số văn bản quy phạm pháp luật được ban hành và**

**được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới** **trên địa bàn cấp xã**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Biểu mẫu số 01a/BTP/VĐC/XDPL phản ánh tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) và lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong VBQPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (HĐND, UBND) cấp xã.

Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL): là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện (Điều 2 và Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).

**2. Cách ghi biểu**

- Cột 1 = Cột (2+3).

- Cột 2: Ghi số lượng Nghị quyết là VBQPPL của Hội đồng nhân dân cấp xã đã được ban hành trong kỳ báo cáo.

- Cột 3: Ghi số lượng Quyết định là VBQPPL của UBND cấp xã được ban hành trong kỳ báo cáo.

- Cột 4 = Cột (5+6).

- Cột 5: Ghi số lượng Nghị quyết là VBQPPL của Hội đồng nhân dân cấp xã cần được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong kỳ báo cáo.

- Cột 6: Ghi số lượng Quyết định là VBQPPL của UBND cấp xã cần được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong kỳ báo cáo.

- Cột 7 = Cột (8+9).

- Cột 8: Ghi số lượng Nghị quyết là VBQPPL của Hội đồng nhân dân cấp xã được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới và đã được ban hành trong kỳ báo cáo.

- Cột 9: Ghi số lượng Quyết định là VBQPPL của UBND cấp xã cần được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới và đã được ban hành trong kỳ báo cáo.

**3. Nguồn số liệu**

Từ sổ sách ghi chép ban đầu tại Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi về việc ban hành VBQPPL của HĐND, UBND cấp xã.

**GIẢI THÍCH BIỂU MẪU 01b/BTP/VĐC/XDPL**

**Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) được ban hành và**

**được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trên địa bàn huyện;**

**Số dự thảo VBQPPL do Phòng Tư pháp thẩm định**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Biểu mẫu 01b/BTP/VĐC/XDPL phản ánh tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (HĐND, UBND) cấp huyện và cấp xã trên địa bàn huyện; tình hình thẩm định văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND cấp huyện do Phòng Tư pháp thực hiện.

 - Địa bàn huyện được hiểu là địa bàn huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

- Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL): là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện (Điều 2 và Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).

- Dự thảo VBQPPL do Phòng Tư pháp thẩm định là Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện do UBND cùng cấp trình; Dự thảo Quyết định của UBND cấp huyện được phòng Tư pháp tiến hành thẩm định theo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Nội dung thẩm định bao gồm: Đối tượng, phạm vi điều chỉnh; tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo với hệ thống pháp luật, sự phù hợp của nội dung dự thảo đối với các quy định trong văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết; ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản (khoản 3 Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).

**2. Cách ghi biểu**

- Cột A: Dòng “Tổng số trên địa bàn huyện” = Dòng I “Tại cấp huyện” + Dòng II “Tại cấp xã”.

+ Dòng “Tại cấp huyện” ghi số VBQPPL do HĐND và UBND cấp huyện ban hành; số VBQPPL của HĐND và UBND cấp huyện cần được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; số VBQPPL của HĐND và UBND cấp huyện được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới và đã được ban hành; số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Phòng Tư pháp cấp huyện thẩm định trong kỳ báo cáo.

+ Dòng “Tại cấp xã” ghi tổng số văn bản QPPL do HĐND và UBND cấp xã trên địa bàn huyện ban hành; tổng số VBQPPL của HĐND và UBND cấp xã trên địa bàn huyện cần được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; số VBQPPL của HĐND và UBND cấp xã trên địa bàn huyện được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới và đã được ban hành trong kỳ báo cáo.

+ Dòng “Tên xã…”: Lần lượt ghi tên của UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện (liệt kê đầy đủ các xã, phường, thị trấn trên địa bàn).

- Cột 1 = Cột (2+3).

- Cột 4 = Cột (5+6).

- Cột 7 = Cột (8+9).

- Cột 10 = Cột (11+12).

Các ô được đánh dấu “-” là không có số liệu phát sinh.

**3. Nguồn số liệu**

Từ sổ sách ghi chép ban đầu tại UBND cấp huyện (Phòng Tư pháp) theo dõi về việc ban hành VBQPPL của HĐND, UBND cấp huyện, theo dõi về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND cấp huyện và tổng hợp từ biểu mẫu 01a/BTP/VĐC/XDPL của UBND cấp xã.

**GIẢI THÍCH BIỂU MẪU 01c/BTP/VĐC/XDPL**

**Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) được ban hành trên địa bàn tỉnh; Số dự thảo VBQPPL do cơ quan tư pháp trên địa bàn tỉnh thẩm định**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Biểu 01c/BTP/VĐC/XDPL phản ánh tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (HĐND, UBND) các cấp trên địa bàn tỉnh; đồng thời phản ánh tình hình thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan tư pháp trên địa bàn tỉnh.

 - Địa bàn huyện được hiểu là địa bàn huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

 - Địa bàn tỉnh được hiểu là địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

- Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL): là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện (Điều 2 và Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).

- Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan tư pháp thẩm định gồm:

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do các cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh chủ trì soạn thảo, do Sở Tư pháp thẩm định.

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện do Phòng Tư pháp thẩm định.

Thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh trình (quy định tại Điều 115 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).

Tham gia ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo nghị quyết do cơ quan, tổ chức khác trình (quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015) là trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự thảo nghị quyết do các Ban của Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trình (Điều 111 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).

**2. Cách ghi biểu**

- Cột A: Dòng “Tổng số trên địa bàn tỉnh” = Dòng I “Tại cấp tỉnh” + Dòng II “Tại cấp huyện” + Dòng III “Tại cấp xã”.

+ Dòng I “Tại cấp tỉnh” ghi số văn bản do HĐND và UBND cấp tỉnh ban hành; Số dự thảo VBQPPL do Sở Tư pháp thẩm định; Số văn bản do Sở Tư pháp chủ trì tham gia ý kiến đối với dự thảo nghị quyết do cơ quan, tổ chức khác trình (quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015); số lượng TTHC trên tổng số VBQPPL được Sở Tư pháp thẩm định; Số VBQPPL mà Sở Tư pháp được giao chủ trì soạn thảo, đã được ban hành trong kỳ báo cáo.

+ Dòng II “Tại cấp huyện” ghi tổng số VBQPPL do HĐND và UBND cấp huyện ban hành, số dự thảo VBQPPL do Phòng Tư pháp thẩm định trong kỳ báo cáo.

+ Dòng III “Tại cấp xã” ghi tổng số VBQPPL do HĐND và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh ban hành trong kỳ báo cáo.

Dòng “Tên huyện…”: Lần lượt ghi tên huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương trên địa bàn.

Ví dụ: Tỉnh A có 7 đơn vị hành chính cấp huyện thì cột 1 dòng III tại cấp xã được thống kê như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Tổng số (văn bản) | Hướng dẫn ghi biểu |
| Cột A | Cột 1 |  |
| ... |  |  |
| **III.Tại cấp xã** |  | Ghi tổng số VBQPPL do HĐND và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh A ban hành trong kỳ báo cáo (bằng tổng số văn bản QPPL do HĐND và UBND cấp xã trên địa bàn các huyện A, B, C, D, E, G, H ban hành trong kỳ báo cáo) |
| 1. Tên huyện A |  | Ghi tổng số VBQPPL do HĐND và UBND cấp xã trên địa bàn huyện A ban hành trong kỳ báo cáo |
| 2. Tên huyện B |  | Ghi tổng số VBQPPL do HĐND và UBND cấp xã trên địa bàn huyện B ban hành trong kỳ báo cáo |
| 3. Tên huyện C |  | Ghi tổng số VBQPPL do HĐND và UBND cấp xã trên địa bàn huyện C ban hành trong kỳ báo cáo |
| 4. Tên huyện D |  | Ghi tổng số VBQPPL do HĐND và UBND cấp xã trên địa bàn huyện D ban hành trong kỳ báo cáo |
| 5. Tên huyện E |  | Ghi tổng số VBQPPL do HĐND và UBND cấp xã trên địa bàn huyện E ban hành trong kỳ báo cáo |
| 6. Tên huyện G |  | Ghi tổng số VBQPPL do HĐND và UBND cấp xã trên địa bàn huyện G ban hành trong kỳ báo cáo |
| 7. Tên huyện H |  | Ghi tổng số VBQPPL do HĐND và UBND cấp xã trên địa bàn huyện H ban hành trong kỳ báo cáo |

- Cột 1 = Cột (2+3).

- Cột 4 = Cột (5+6).

- Cột 8 = Cột (9+10).

- Cột 12 = Cột (13+14).

Các ô được đánh dấu “-” là không có số liệu phát sinh.

**3. Nguồn số liệu**

Từ sổ sách ghi chép ban đầu tại Sở Tư pháp theo dõi về việc ban hành VBQPPL của HĐND, UBND cấp tỉnh; từ sổ sách theo dõi về việc thẩm định dự thảo VBQPPL của HĐND, UBND cấp tỉnh và tổng hợp từ biểu mẫu 01b/BTP/VĐC/XDPL của Phòng Tư pháp.

**GIẢI THÍCH BIỂU MẪU 01d/BTP/VĐC/XDPL**

**Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do bộ, ngành chủ trì soạn thảo, đã được ban hành;**

**Số dự thảo VBQPPL do tổ chức pháp chế bộ, ngành thẩm định**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

 Biểu mẫu số 01d/BTP/VĐC/XDPL phản ánh số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do bộ, ngành (Bộ, cơ quan ngang Bộ) chủ trì soạn thảo và số VBQPPL do bộ, ngành chủ trì soạn thảo đã được ban hành; tình hình thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của tổ chức pháp chế bộ, ngành.

 - Giải thích các chữ viết tắt:

 UBTVQH: Ủy ban thường vụ Quốc hội.

 UBTW MTTQVN: Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

- Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL): là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện (Điều 2 và Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).

- Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do tổ chức pháp chế bộ, ngành thẩm định: là dự thảo Thông tư của Bộ trưởng hoặc Thông tư liên tịch giữa Bộ, cơ quan ngang Bộ với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao được tổ chức pháp chế bộ, ngành thẩm định theo trình tự quy định của pháp luật.

**2. Cách ghi biểu**

**PHẦN I. SỐ VBQPPL ĐƯỢC SOẠN THẢO, BAN HÀNH**

- Cột 1 = Cột (2+3+4+5+6+7+8+9).

- Cột 9 “Thông tư liên tịch”: thống kê Thông tư liên tịch do Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì soạn thảo.

**PHẦN II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VBQPPL**:Thể hiện tình hình thẩm định VBQPPL của pháp chế bộ, ngành trong kỳ báo cáo.

- Cột 1 = Cột (2 + 3).

- Cột 4 = Cột (5 +6).

- Cột 5: ghi số lượng TTHC trên tổng số Thông tư do Pháp chế Bộ, ngành thẩm định trong kỳ báo cáo.

- Cột 6: ghi số lượng TTHC trên tổng số Thông tư liên tịch do Pháp chế Bộ, ngành chủ trì thẩm định trong kỳ báo cáo.

 **3. Nguồn số liệu**

Từ sổ sách ghi chép ban đầu tại Vụ/Tổ chức pháp chế bộ, ngành theo dõi về việc chủ trì soạn thảo VBQPPL của bộ, ngành; số VBQPPL do bộ, ngành chủ trì soạn thảo đã được ban hành và số dự thảo VBQPPL được thẩm định.**GIẢI THÍCH BIỂU MẪU 01e/BTP/VĐC/XDPL**

**Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, đã được ban hành;**

**Số dự thảo VBQPPL đã được Bộ Tư pháp thẩm định**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

 Biểu mẫu số 01e/BTP/VĐC/XDPL phản ánh số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do đơn vị thuộc Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo và số VBQPPL do đơn vị thuộc Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo đã được ban hành; tình hình thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tư pháp.

- Giải thích các chữ viết tắt:

 UBTVQH: Ủy ban thường vụ Quốc hội.

 UBTWMTTQVN: Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

- Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL): là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện (Điều 2 và Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).

- Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được tổ chức thẩm định tại Bộ Tư pháp gồm các dự án, dự thảo Luật, Nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, Nghị quyết của UBTVQH; Nghị định của Chính phủ, Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với UBTWMTTQVN, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư của Bộ Tư pháp; Thông tư liên tịch giữa Bộ Tư pháp với TANDTC, VKSNDTC được Bộ Tư pháp tiến hành thẩm định theo trình tự, thủ tục luật định.

- Đơn vị thuộc Bộ gồm đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tư pháp (Các đơn vị thuộc Bộ trong khối trường học, học viện, báo, tạp chí, viện khoa học pháp lý, Cục công tác phía nam và Văn phòng Bộ không phải báo cáo biểu 01e/BTP/VĐC/XDPL).

**2. Cách ghi biểu**

**PHẦN I. SỐ VBQPPL ĐƯỢC SOẠN THẢO, BAN HÀNH**

- Cột 1 = Cột (2+3+4+5+6+7+8+9).

- Cột 9 “Thông tư liên tịch”: thống kê số Thông tư liên tịch do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo trong kỳ báo cáo.

**PHẦN II. SỐ DỰ THẢO VBQPPL ĐÃ THẨM ĐỊNH**

- Cột 1 = Cột (2+3+4).

- Cột 5 = Cột (6+7+8+9+10+11+12).

- Cột 12 “Thông tư liên tịch”: thống kê theo trách nhiệm chủ trì thẩm định trong kỳ báo cáo.

- Cột 13: Ghi số lượng văn bản đơn vị thực hiện chủ trì góp ý đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, dự án, dự thảo VBQPPL không do Chính phủ trình được quy định tại Điều 44 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Trường hợp trong kỳ báo cáo có 01 đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh không do Chính phủ trình nhưng được góp ý từ 2 lần trở lên thì khi thống kê chỉ tính là 1 văn bản góp ý.

**PHẦN III. SỐ TTHC QUY ĐỊNH TẠI DỰ THẢO VBQPPL ĐÃ THẨM ĐỊNH**

- Cột 1 = Cột (2+3+4).

- Cột 5 = Cột (6+7+8+9+10+11+12).

- Cột 12 “Thông tư liên tịch”: thống kê theo trách nhiệm chủ trì thẩm định trong kỳ báo cáo.

**3. Nguồn số liệu**

Sổ sách ghi chép ban đầu tại các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp theo dõi về việc chủ trì soạn thảo VBQPPL và số VBQPPL chủ trì soạn thảo đã được ban hành; số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được thẩm định; Số TTHC quy định tại dự thảo VBQPPL đã được thẩm định.